

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ
MST: 0500237857

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục kèm theo Công văn số 815/CTSN-TV ngày 12/7/2017

V/v thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016:

- Điều hành hệ thống, vận hành các trạm bơm, các công đập điều tiết phục vụ tốt cho sản xuất: Phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn được giao, phục vụ các địa phương gieo trồng đúng kế hoạch.

- Công tác tu sửa bảo dưỡng công trình và các dự án đầu tư xây dựng công trình: Công tác tu sửa các công trình và các dự án đầu tư xây dựng công trình được đảm bảo: về sửa chữa thường xuyên Công ty đã thực hiện sửa chữa các hạng mục công trình đúng chế độ chính sách và đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai;

- Các công trình thi công xong:

+ Đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất;

+ Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý xây dựng công trình, Đảm bảo yêu cầu chất lượng, thanh quyết toán đúng chế độ chính sách.

- Công tác quản lý, bảo vệ công trình:

Tổ chức kiểm tra công trình trước và sau lũ báo cáo Tổng Cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định; Công ty đã phối hợp với các địa phương tổ chức thống kê rà soát vi phạm, xử lý vi phạm chống lấn chiếm công trình thủy lợi.

Đặc biệt đã làm tốt công tác phòng, chống lũ lụt góp phần hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Công tác khác:

+ Công tác văn hoá xã hội, chăm lo đời sống của CBCNVLD và công tác an ninh quốc phòng trong Công ty được giữ vững;

+ Phối hợp tốt với các đoàn thể trong việc chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy quản lý của Công ty. Các phong trào thi đua trong Công ty được quan tâm đẩy mạnh.

1. Tình hình lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội:

- Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2016 là 1.149 người, trong đó:

- + Lao động không xác định thời hạn: 1.097 người
- + Lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng: 52 người
- + Lao động xác định thời hạn dưới 12 tháng: không có
- Tổng số lao động tại thời điểm hiện nay là 1.149 người.
- Tình hình việc làm, tiền lương, thu nhập của người lao động năm 2016 và quý I năm 2017:

Năm 2016: Tám tháng đầu năm, UBND Thành phố chưa có Quyết định giao đặt hàng cho Công ty. Trong quá trình điều chỉnh lại Định mức kinh tế - kỹ thuật, Công ty luôn luôn đảm bảo 100% CBCNVLĐ có việc làm và thu nhập tạm thời ổn định. Cụ thể, Công ty đã ứng lương bảy tháng đầu năm bằng 80% và năm tháng cuối năm bằng 50% mức lương năm 2015. Tiền lương bình quân đã tạm ứng cho cán bộ công nhân viên lao động là 5.367.000 đồng/người/tháng.

Ngày 16/3/2017, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1752/QĐ-UBND về việc ban hành quy trình, Định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá duy trì vận hành hệ thống tưới, tiêu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tổng kinh phí đặt hàng năm 2016 của Công ty là 168.578.910.565 đồng, trong đó quỹ tiền lương lao động trực tiếp là 60.627.088.567 đồng (bao gồm cả 24% BHXH các loại là 12.499.944.970 đồng). Theo đó, mức tiền lương bình quân người lao động nhận được là: 3.490.509 đồng/ người/ tháng. Hiện nay Công ty đang thực hiện truy thu phần tiền lương đã ứng thừa cho CBCNVLĐ và Ban điều hành năm 2016.

- Trích nộp Bảo hiểm đầy đủ cho người lao động theo quy định.

2. Nguồn kinh phí được cấp:

Tính đến 31/12/2016 ngân sách cấp cho Công ty được 88.535 triệu đồng/ tổng kinh phí đặt hàng được duyệt là 168.579 triệu đồng (đạt 55,25%). Hiện nay Công ty đang chờ Liên ngành thẩm định trình Thành phố phê duyệt đặt hàng điều chỉnh, làm cơ sở để quyết toán năm 2015 và 2016 theo Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 về việc ban hành quy trình, Định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá duy trì vận hành hệ thống tưới, tiêu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017:

Mặc dù Công ty rất khó khăn về nguồn kinh phí, đời sống người lao động bị ảnh hưởng lớn nhưng với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và toàn thể Cán bộ CNV Công ty, việc điều hành và phục vụ sản xuất quý I/2017 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1. Tình hình lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội:

Theo Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố, tổng kinh phí

đặt hàng cả năm 2017 của Công ty là 99.606.196.530 đồng (bằng 40,8% so với kinh phí đặt hàng năm 2015), do đó rất khó khăn cho việc điều hành của Công ty để hoàn thành nhiệm vụ chính trị và đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Đến nay, Công ty mới tạm ứng cho CBCNVLD tiền lương tháng 1, tháng 2 và tháng 3 năm 2017 là 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 1.149 người (100%). Số tiền còn nợ Bảo hiểm đến 31/12/2016: 3.022.201.603 đồng (tháng 11 và 12/2016). Năm 2017: 6.177.466.724 đồng (tháng 1+2+3+4).

- Số lao động đến tuổi nghỉ hưu chưa được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội do nợ bảo hiểm xã hội: Không

2. Nguồn kinh phí được cấp:

Đến ngày 30/3/2017, Công ty được ngân sách cấp tạm ứng 50% kinh phí vụ Đông Xuân năm 2017 là 19.218 triệu đồng, ngoài việc trang trải một phần nợ năm 2016 chuyển sang, Công ty đã tạm ứng một phần tiền lương cho toàn thể cán bộ công nhân viên lao động như trên.

3. Kế hoạch nguồn kinh phí :

Công ty đã báo cáo Liên ngành trình chủ trương xin được cấp bù chênh lệch chi> thu, đảm bảo nguồn kinh phí ở mức tối thiểu để hoàn thành nhiệm vụ duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội năm 2017.

Nguồn kinh phí: tính theo Quyết định 55/2016/QĐ-UBND: 99.901 triệu đồng; trong đó:

a. Kinh phí cấp bù do miễn thu thủy lợi phí:

- Của Công ty: 80.685 triệu đồng
- Của các HTX: 10.292 triệu đồng
- Của Công ty (tạo nguồn từ bậc 2 trở lên): 2.583 triệu đồng
- Phần tự bơm của HTX: 1.915 triệu đồng.

b. Kinh phí thu từ các đối tượng không miễn thu: 4.425 triệu đồng

Chi phí: 212.989 triệu đồng; trong đó:

- Tiền lương người lao động (bao gồm tiền lương cơ bản, làm thêm giờ, phụ cấp lưu động, độc hại, ca ba): Hiện tại chỉ tính tiền lương cơ bản trả cho người lao động theo hệ số bậc thợ theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 nhân với mức lương tối thiểu chung năm 2017; hệ số điều chỉnh 1,2.

- Tiền lương cán bộ Ban quản lý điều hành Công ty theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 về việc quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; hệ số điều chỉnh 0,5.

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn được tính đầy đủ theo chế độ quy định hiện hành.

- Tiền điện bơm tưới, tiêu tính trên lượng điện tiêu hao thực tế;

- Chi phí khấu hao TSCĐ tính đúng theo quy định hiện hành;

- Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ tính bằng 23% chi phí hợp lý (từ mục 5.1 đến mục 5.5);

- Chi phí nguyên nhiên vật liệu, công cụ để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc, thiết bị; chi phí đào tạo, học tập nghiên cứu; bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ công trình thủy lợi, chi phí ăn ca tính theo mức tối thiểu cần thiết;

- Chi phí phục vụ phần diện tích các hợp tác xã: tính theo nguồn được duyệt cấp miễn thu;

- Chi phí Quản lý doanh nghiệp bao gồm cả tiền lương, bảo hiểm, khấu hao TSCĐ bộ phận quản lý tính bằng 11,23 % các khoản chi phí trên (5.1 đến 5.10).

Số liệu chi tiết xác định chi phí:

TT	Nội Dung	Đơn vị tính	Quyết toán năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
1	Tổng hợp diện tích tưới	ha	87.122,78	87.392,66	
1.1	Diện tích miễn thu thủy lợi phí của Công ty	ha	61.941,88	60.601,92	
	Diện tích của Công ty (cấp 1)			60.601,92	
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Diện tích của HTX		17.617,64	12.874,58	
	+ Diện tích bơm tạo nguồn bậc 2			9.239,20	
1.2	Diện tích miễn thu thủy lợi phí phần tự bơm			1.609,84	
1.3	Diện tích phải thu thủy lợi phí của Công ty	Ha	25.180,90	25.180,90	
2	Kinh phí đặt hàng	Đồng	157.721.457.977	95.475.508.300	
3	Kinh phí ngân sách cấp đặt hàng		157.721.457.977	95.475.508.300	
a	Chênh lệch thu chi		69.186.071.505		
b	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí		88.535.386.472	95.475.508.300	
*	Của Công ty		76.090.308.252	80.685.197.410	

TT	Nội Dung	Đơn vị tính	Quyết toán năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
*	Của HTX (Phần diện tích tạo nguồn ..)		12.445.078.220	10.292.697.030	
*	Của Công ty (tạo nguồn từ bậc 2 trở lên)			2.583.039.600	
*	Phần tự bơm của HTX			1.914.574.260	
*	Trả thủy lợi phí tỉnh ngoài				
4	Doanh thu	Đồng	162.147.041.957	99.901.092.280	
4.1	Doanh thu TLP NSNN cấp do thực hiện chính sách miễn thu TLP		88.535.386.472	95.475.508.300	
*	Của Công ty		76.090.308.252	80.685.197.410	
*	Của HTX (Phần diện tích tạo nguồn ..)		12.445.078.220	10.292.697.030	
*	Của Công ty (tạo nguồn từ bậc 2 trở lên)			2.583.039.600	
*	Phần tự bơm của HTX			1.914.574.260	
4.2	Ngân sách cấp chênh lệch thu chi	Đồng	69.186.071.505		
4.3	Ngân sách trả TLP tỉnh ngoài	Đồng			
4.4	Tiền sử dụng mặt nước các công trình hồ chứa thủy lợi để nuôi trồng thủy sản	Đồng			
4.5	Doanh thu khác	Đồng	133.812.967		
4.6	Doanh thu TLP từ các đối tượng không miễn thu thủy lợi phí	Đồng	4.425.583.980	4.425.583.980	
5	Kế hoạch chi	Đồng	181.780.799.754	212.989.892.230	
5.1	Chi phí tiền lương lao động		55.287.280.652	72.265.248.017	
5.2	Chi BHXH-BHYT-KPCĐ-BHTN (24%)		12.499.944.970	14.381.408.448	
5.3	Ăn ca (Lao động trực tiếp)		6.351.590.000	6.352.000.000	
5.4	Chi phí nguyên nhiên liệu (đã bao gồm VAT)		646.639.020	1.033.000.000	
5.5	Chi phí điện năng (đã bao gồm VAT)		27.358.863.160	30.656.206.309	
5.6	Sửa chữa thường xuyên (23% mục 5.1 đến 5.5)		23.493.193.094	28.678.208.438	
	<i>Trong đó: Bổ sung chi phí sửa chữa thường xuyên theo ĐM</i>		8.898.165.094		
5.7	Trả tạo nguồn cho Công ty				
5.8	Chi phí quản lý (11,23% mục 5.1 đến 5.6)		16.983.552.586	17.223.009.797	
5.9	Chi đào tạo, học tập, nghiên cứu		85.200.000	252.000.000	
5.10	Bảo hộ lao động, PCCN, bảo vệ CTTL		12.416.500	529.000.000	
5.11	Chi phí phục vụ tưới tiêu các HTX (phần diện tích tạo nguồn)		12.445.078.220	13.200.619.606	
5.12	Trả thủy lợi phí trả tỉnh ngoài tưới cho Hà Nội				
5.13	Lợi nhuận định mức (4,5% mục 5.1 đến 5.11)		6.983.283.751	8.260.980.853	
5.14	Khấu hao TSCĐ		19.616.757.801	20.158.210.761	
5.15	Chi phòng chống lụt bão		17.000.000	0	
6	Đề nghị cấp bổ sung		19.633.757.797	113.088.799.950	

4. Đề xuất, kiến nghị:

Chi phí tối thiểu để phục vụ duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội năm 2017 là 212.990 triệu đồng, nguồn thu theo 55/2016/QĐ-UBND chỉ đạt tối đa 99.901 triệu đồng ; kính đề nghị Liên ngành Sở Tài chính-Nông nghiệp & PTNT xem xét trình UBND thành phố Hà Nội cấp bù khoản chênh lệch chi>thu, tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao và ổn định tư tưởng, đời sống cán bộ công nhân viên.

Để giảm bớt khó khăn về nguồn kinh phí, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ kính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp & PTNT chỉ đạo sớm duyệt quyết toán tài chính năm 2015, 2016 và tháo gỡ những vướng mắc về việc thực hiện nguồn kinh phí đặt hàng năm 2017, tạo điều kiện để Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.